

Listen and repeat

- 🔊 **Put on** (v) : mặc vào (*clothes/hat*)
Ex: It's sunny outside, you must put on a coat.
 (trời nắng ở ngoài, bạn phải mặc áo khoác vào.)
- 🔊 **Take off** (v) : thay đồ ra.
Ex: I take off my shoes. (tôi cởi giày của tôi ra)
- 🔊 **Put in** (v) : để/đặt vào
Ex: He puts some pens in his bag.
 (anh ấy đặt vài cây bút vào cặp của anh ấy)
- 🔊 **Take** (v) : cầm, nắm, mang, giữ
Ex: She takes a kite to the park.
 (cô ấy mang con diều đến công viên)
- 🔊 **Bring** (v) : mang theo
Ex: I bring some chocolate to the party.
 (tôi mang theo sô – cô – la đến bữa tiệc.)
- 🔊 **Paint** (v) : sơn
Ex: I paint my room. (tôi sơn phòng của mình)
- 🔊 **Wear** (v) : mặc... (*clothes*)
Ex: I'm wearing a T-shirt.
 (tôi đang mặc một cái áo thun)

- 🔊) **Fix** (v) : sửa chữa
Ex: we fix the model. (chúng tôi sửa cái mô hình)
- 🔊) **Answer** (n/v) : câu trả lời/trả lời
Ex: Your answer is right. (câu trả lời của bạn là đúng)
Ex: I can answer this question.
(tôi có trả lời câu hỏi này)
- 🔊) **Holiday** (n) : ngày lễ/hội/kỳ nghỉ
Ex: We had a holiday at the beach last year.
(chúng tôi đã có kỳ nghỉ lễ ở biển năm rồi)
- 🔊) **Party** (n) : bữa tiệc
Ex: My sister had a birthday party yesterday.
(Chị gái tôi đã có bữa tiệc sinh nhật ngày hôm qua)
- 🔊) **Dream** (n/v) : giấc mơ/ mơ thấy
Ex: I had a sweet dream last night.
(tôi đã có giấc mơ ngọt ngào/đẹp tối hôm qua)
Ex: I dreamt about chocolate.
(tôi đã mơ về sô-cô-la)